

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS-ST
Ngày: 05-9-2023
V/v tranh chấp “*Tranh chấp hợp
đồng dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh

2. Ông Tống Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 07/2023/TLST- DS ngày 31 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 07 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-DS ngày 17/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số nhà 29/6, đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của ông H: Bà Đỗ Thị Thủy T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà 91, đường P, phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/02/2023).

2. Bị đơn: Ông Bùi Minh T, sinh năm 1990, bà Hồ Thị Ngọc O, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số 254, đường B, phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của ông T, bà O: Ông Lê Công Đ, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 280/46/7 TX 25, KP2, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoặc ông Trần Nhật H, sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, Nghĩa Tân, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Địa chỉ liên hệ: Số 219, đường X, phường 17, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/3/2023).

(Bà T có mặt, ông Đ, ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thủy T trình bày như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 16/12/2022 ông H có cho ông Bùi Minh T, bà Hồ Thị Ngọc O vay số tiền 1.700.000.000đ (một tỷ bảy trăm triệu đồng). Việc vay tiền hai bên có lập giấy tờ viết tay, giấy vay tiền do bà O trực tiếp viết và ông T, bà O trực tiếp ký, ghi họ tên phía dưới, lãi suất hai bên không thỏa thuận trong giấy vay, về thời hạn thanh toán nợ ghi trong giấy vay tiền là đến ngày 19/12/2022 ông T, bà O sẽ trả cho ông H số tiền 500.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng, số tiền còn lại ông T, bà O sẽ trả cho ông H theo thời gian thỏa thuận. Đến thời hạn thanh toán tiền thì ông T, bà O có trả được cho ông H số tiền là 50.000.000 đồng, số tiền còn lại ông T, bà O không trả tiền cho ông H mặc dù ông H đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà O trả tiền.

Nay ông H yêu cầu buộc ông Bùi Minh T, bà Hồ Thị Ngọc O có trách nhiệm phải trả cho ông số tiền vay nợ gốc là 1.650.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm năm mươi triệu), không yêu cầu tính lãi.

Ngoài số tiền nêu trên thì ông T, bà O không còn nợ ông H khoản tiền nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Nhật H, ông Lê Công Đ trình bày thể hiện ý kiến như sau:

Ông T, bà O thừa nhận có vay tiền của ông Lê Văn H nhưng về số tiền cụ thể mà ông T, bà O vay của ông H là bao nhiêu và chữ ký ghi rõ họ tên của ông T, bà O trong giấy vay tiền đề ngày 16/12/2022 có phải do ông T, bà O hay ký không thì người đại diện ủy quyền của ông T, bà O không rõ vì chưa liên hệ được với ông T, bà O nên chưa xác định được. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông T, bà O chưa đồng ý vì khoản vay của ông T, bà O với ông H là do ông T, bà O mượn giúp cho người khác để xử lý công việc nay người ta chưa trả tiền cho ông T, bà O nên ông T, bà O chưa có tiền trả cho ông H.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án nhưng không thành.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thủy T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Công Đ, Trần Nhật H vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

+ Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H. Buộc ông Bùi Minh T, bà Hồ Thị Ngọc O phải trả cho ông Lê Văn H số

tiền vay gốc là 1.650.000.000 đồng; về án phí đề nghị buộc ông T, bà O phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Văn H khởi kiện đòi số tiền cho vay đối với ông Bùi Minh T và bà Hồ Thị Ngọc O. Do vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn cư trú tại phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

Ông T, bà O và người đại diện theo ủy quyền là ông Đ hoặc ông H mặc dù đã được tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không tham dự phiên tòa. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Tại đơn khởi kiện ông H yêu cầu bị đơn ông Bùi Minh T, bà Hồ Thị Ngọc O có trách nhiệm trả cho ông số tiền vay nợ gốc là 1.650.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn giao nộp 01 giấy mượn tiền đề ngày 16/12/2022 (bút lục 42), (bản chính).

Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với số tiền vay giữa nguyên đơn và bị đơn thì trong quá trình làm việc người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã thừa nhận bị đơn có vay tiền của nguyên đơn nhưng không xác định cụ thể số tiền vay là bao nhiêu. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng trình bày không xác định được chữ ký, ghi rõ họ tên trong giấy vay tiền đề ngày 16/12/2022 có phải của bị đơn hay không, mặt khác số tiền vay của nguyên đơn là do bị đơn vay giúp người khác nên nay bị đơn chưa đồng ý trả tiền cho nguyên đơn.

Xét việc bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn nhưng chưa xác định được số tiền bị đơn vay của nguyên đơn là bao nhiêu thì bị đơn phải có nghĩa vụ chứng minh cho ý kiến của mình. Đối với việc bị đơn trình bày chưa xác định được chữ ký trong giấy vay tiền có phải chữ ký của bị đơn hay không nhưng bị đơn không yêu cầu Tòa án giám định chữ viết, chữ ký. Do bị đơn chỉ có lời khai mà không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn để xác định việc bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 1.7000.000.000 đồng là có thật. Do quá trình làm việc nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng nên bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 1.650.000.000 đồng và việc bị đơn chưa trả số tiền vay này cho nguyên đơn là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự.

[3] Xét ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông Lê Văn H được chấp nhận nên bị đơn ông Bùi Minh T, bà Hồ Thị Ngọc O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 274; Điều 275; Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn ông Bùi Minh T, bà Hồ Thị Ngọc O.

2. Buộc ông Bùi Minh T, bà Hồ Thị Ngọc O có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn H số tiền 1.650.000.000đ (một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc ông Bùi Minh T, bà Hồ Thị Ngọc O phải chịu 61.500.000đ (Sáu mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Lê Văn H số tiền 31.500.000đ (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005529 ngày 31/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Bảo Lộc;
- Chi cục THADS thành phố Bảo Lộc;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Hòa

